TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 402/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2024.
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 434/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 484/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 319/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N,** sinh năm 1981;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc).

Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh **Vũ Phương N1,** sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Phạm Thị N, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Phương N1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương

vào ngày 10/3/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm, cách làm ăn kinh tế của hai vợ chồng luôn có sự bất đồng. Trong cuộc sống anh P không chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình, chị có khuyên bảo nhưng anh có những lời nói xúc phạm, đánh đuổi chị. Tháng 5/2010, chị đi lao động tại Đài Loan –Trung Quốc, đến thời điểm này chị đã về phép 03 lần, từ khi chị sang lao động chị có gọi điện về cho anh N1 và các con, nhưng anh cũng không nghe máy, không cho các con nghe điện thoại, chấm dứt liên lạc với chị, mặc dù hàng tháng chị vẫn gửi tiền về cho các con. Các lần chị về phép vợ chồng cũng không nói chuyện được với nhau, không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N1.

Về con chung: Chị và anh N1 có 02 con chung là Vũ Thanh H, sinh năm 2001 và Vũ Hồng S, sinh năm 2005. Hiện các con chung đã trưởng thành, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh N1 không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai anh Vũ Phương N1, trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị N trình bày. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khi chị N đi lao động ở nước ngoài từ năm 2010, tuy nhiên chị chỉ liên lạc với các con, chứ vợ chồng không liên lạc gì. Nay chị N xin ly hôn, anh nhất trí.

Biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Chị N và anh N1 kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Sau khi kết hôn một thời gian, chị N đi lao động ở nước ngoài. Do không hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị N có đơn ly hôn anh N1, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh N1 vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Vũ Phương N1; Về con chung: Chị N và anh N1 có 02 con chung là Vũ Thanh H, sinh năm 2001 và Vũ Hồng S, sinh năm 2005. Hiện các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không giải

quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Vũ Phương N1. Chị N hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N1 nhận văn bản tố tụng của Toà án, trình bày lời khai nhưng không ký biên bản, tại phiên tòa lần thứ hai anh N1 vẫn vắng mặt không có lý do. Chị N vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh N1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Phương N1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/3/2000 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2010 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, quan điểm, cách làm ăn kinh tế giữa chị và anh P luôn có sự bất đồng. Tháng 5/2010, chị N đi lao động tại Đài Loan-Trung Quốc. Chị N có liên lạc với gia đình nhưng anh N1 không nghe máy hoặc có nghe nhưng lại xúc phạm chị. Vợ chồng không còn sự quan tâm tới nhau. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh N1 không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, mặc dù anh N1 trình bày lời khai nhưng không ký biên bản, tuy nhiên lời khai của anh N1 phù hợp với quan điểm của nguyên đơn và của địa phương. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị N được ly hôn anh N1 là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị N và anh N1 có 02 con chung là Vũ Thanh H, sinh năm 2001 và Vũ Hồng S, sinh năm 2005. Hiện các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh N1 không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị N** ly hôn với anh **Vũ Phương N1.**

2. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005130 ngày 01/10/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày, anh Vũ Phương N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời gian kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa GĐ và NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân